TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Liêm

Bà Trịnh Thị Thu Huyền.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ng, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: 2250 HV, tổ dân phố NM, phường BN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Tôn Th, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: 2250 HV, tổ dân phố NM, phường BN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và ông Lê Tôn Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn BN, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 02, ngày 09 tháng 4 năm 1990.

Trong thời gian hôn nhân, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách. Vợ chồng thường xuyên kình cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên đơn nhận thấy các con chung đã trưởng thành, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, bà mong muốn vợ chồng sống tự do, thoải mái, nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có ba con chung là Lê Nữ Thiên Th1 (sinh năm 1990), Lê Minh K (sinh năm 1993) và Lê Minh L (sinh năm 1997); các con chung đã trưởng thành, bà Ng không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Ng, ông Lê Tôn Th.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và ông Lê Tôn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BN, huyện C (nay là phường BN, thành phố C), tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 02, ngày 09 tháng 4 năm 1990. Đây là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và hiện nay nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn.

[2.2] Về con chung: Có ba con chung là Lê Nữ Thiên Th1 (sinh năm 1990), Lê Minh K (sinh năm 1993) và Lê Minh L (sinh năm 1997); các con chung đã trưởng thành, bà Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung, nguyên đơn khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] *Án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm về yêu cầu "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

- Các Điều 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Ng và ông Lê Tôn Th được ly hôn.

2/ Về con chung: Có ba con chung là Lê Nữ Thiên Th1 (sinh năm 1990), Lê Minh K (sinh năm 1993) và Lê Minh L (sinh năm 1997); các con chung đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung:* Về tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung, nguyên đơn không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ *Án phí*: Bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000394 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Lê Thị Ng còn phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về "Ly hôn".

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CC THADS TP. C;
- UBND phường BN, C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu